

Cố Đại lão HT.Thích Thuận Đức “đồng hành cùng dân tộc” trong kháng chiến chống Pháp tại Nam Định

ISSN: 2734-9195 11:05 05/09/2025

Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức đã có những đóng góp to lớn công đức trong công cuộc chấn hưng, thống nhất và hòa hợp Phật giáo, góp phần xây dựng và bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc phụng sự đất nước.

Tác giả: **Hòa thượng TS Thích Đức Tuấn**

Phó Trưởng Ban Phật giáo Quốc tế T.Ư - GHPGVN, Trụ trì Chùa Pháp Vương, California, Mỹ

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

I. Mở đầu

Phật giáo Việt Nam chủ yếu là Đại thừa, với đặc tính linh động “tùy duyên bất biến”, tinh thần Bồ tát hạnh (tự độ, độ tha), Tứ vô lượng tâm (Từ, bi, hỷ, xả), Tứ nhiếp pháp (bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự)... Phật giáo đã uyển chuyển đi vào cuộc đời với tinh thần ban vui cứu khổ, hướng dẫn quần chúng đạt được tâm an, và giữ gìn tối đa âm đức thiện Pháp để vượt qua những giai đoạn cực kỳ khó khăn, nhất là những thời kỳ kháng chiến chống Pháp - một giai đoạn chuyển giao biết bao biến động, chấm dứt thời kỳ phong kiến, đối diện và tiếp nhận những cái mới của khoa học kỹ thuật thời đại, đối đầu với giặc phương Tây, âm mưu nội gian lúc nào cũng rình rập. Phật giáo luôn có sứ mệnh và vai trò đối với quốc độ. Vì vậy thời nào cũng có các thiền sư, chư Tăng Ni, Cư sĩ Phật tử hộ quốc, nhập thế, như cuộc đời của Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức (Nam Định, Ninh Bình ngày nay, “cởi áo cà sa, khoác áo chiến bào” trong công cuộc kháng chiến chống Pháp, đồng hành ủng hộ cách mạng, ứng dụng tinh thần: bi, trí, dũng Phật giáo làm tròn cả hai việc đạo đời trong bối cảnh đất nước đầy đau thương binh lửa trong chế độ thực dân. Ngài đã đem đến niềm tin vào tương lai

tươi sáng, góp phần làm vẻ vang trang sử nước nhà, và củng cố lòng tin đến mọi giai cấp trên tinh thần vị tha, vô ngã.

II. Nội dung

1. Vài nét về gia thế và cuộc đời của Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức trước khi thụ Cụ túc giới

Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức (1918-2000), sinh ra trong một gia đình nho gia họ Nguyễn, tên đầy đủ là Nguyễn Thanh Để, sinh ngày 03 tháng 09 năm 1918 tại thôn Quần Lạc, xã Việt Hùng, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định. Cha mẹ ngài đều là nông dân thuần túy nhưng rất có lòng yêu nước, bắt nguồn từ tình yêu thương gia đình làng xã, là cảm tình yêu nước của văn hóa Việt. Đồng thời, ông bà đều rất mến mộ Phật giáo qua tinh thần: từ, bi, hỷ, xả, hướng thiện, thanh tịnh thoát tục. Từ thuở thiếu thời, Cố đại lão Hòa thượng đã được cha mẹ rất quan tâm giáo dục về đạo đức để trở thành một con người lương thiện, nhân nghĩa, trung hiếu vẹn toàn, nối dõi truyền thống gia tộc. Thân phụ của Cố đại lão Hòa thượng là cụ Nguyễn Văn Hạ, thân mẫu dòng họ Phạm - Phạm Thị Ty. Hòa Thượng là con út; Cha mẹ ngài sinh được 5 người con, gồm 3 trai và 2 gái.



Cố Đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức (ảnh: Internet)

Khi lên 8 tuổi vào năm 1926, Cố đại lão Hòa thượng được cha mẹ sớm định hướng cho đi xuất gia tại chùa làng - chùa Quần Lạc, hiệu Khánh Minh tự, làm đệ tử ngài Thích Tâm Quán. Thầy trụ trì vốn là người am hiểu Tam giáo (Nho-Phật-Đạo), giáo dục văn hóa được ngài lưu tâm làm phương tiện phổ độ. Vì vậy, để phát triển hậu học, dưỡng nuôi hạt giống bồ-đề, Trưởng lão Hòa Thượng Thích Tâm Quán đã gửi ngài đi học Hán văn và tâm sư học đạo tu thiền. Thiền tông là pháp môn đang thịnh hành lúc bấy giờ nên được cả hai ngài cùng nghiên cứu một cách tường tận. Xét cho cùng, Phật giáo Việt Nam rất mộ thiền tông, và nhờ đó nên tuệ căn của Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức đã sớm được đơm hoa kết trái.

Khi 13 tuổi (năm 1931) Cố đại lão Hòa thượng được bản sư cho đi sam học tại chốn tổ Kim Sa (chùa Lăng Lăng) cầu Pháp với Hoà thượng Thích Quảng Lãm, và được Tổ tế độ và đưa về chùa Đông An, xã Xuân Thành, huyện Xuân Trường

tu học. Với bản tính khiêm cung, kham nhẫn, tinh tiến, và cẩn trọng chính niệm, Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức được Tổ quan sát nâng đỡ đạo tâm, và đào tạo trở thành Tăng tài, đồng lương của Phật Pháp, hạt chắc của sơn môn pháp phái để phát triển Phật giáo, làm mô phạm trong thiền môn và hoằng pháp hiệu quả tại nhân gian.

Năm 15 tuổi, tức năm 1933, Cố đại lão Hòa thượng được Tổ chùa Lăng Lăng chấp nhận cho thụ giới Sa di giới tại chùa Đông An. Năm 18 tuổi, sau thời gian tầm học, Cố đại lão Hòa thượng về chùa Tổ Lăng Lăng tiếp tục phụng sự hoằng pháp.

Ngày 02 tháng 09 năm 1938, tròn 20 tuổi, Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức thụ giới cụ túc tại chùa Tổ Lăng Lăng (Kim Sa tự) xã Xuân Đài, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Giới đàn có sự chứng minh của các vị Cao Tăng như: (1) Trưởng lão Hòa thượng Thích Quang Minh chùa Trà Bắc, (2) Trưởng lão Hòa thượng Thích Tâm Tịnh chùa Bộ La - Thái Bình, (3) Trưởng lão Hòa thượng Thích Chính Nghiễm chùa Phú Ninh, (4) Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Nghi chùa Thanh Khiết, (5) Trưởng lão Hòa thượng Thích Quảng Lãm chùa Lăng Lăng... Với tinh thần lục hòa, từ bi - trí tuệ - trung đạo, lý tưởng Bồ-tát hạnh, Cố đại lão Hòa thượng được Tăng Ni các sơn môn tín nhiệm, và tín đồ Phật tử thập phương kính trọng quy y. Trong tinh thần nhập thế của vua Trần Thái Tông - khai sáng ra thời đại nhà Trần, dù chịu nhiều oan khuất đắng cay nhưng hết sức rộng lượng nhân từ, hỉ xả bao dung, đặt nghĩa lớn dân tộc lên trên tình riêng, người được quốc sư Phù Vân khuyên dạy “Núi vốn không có Phật. Phật ở nơi tâm người, tâm lặng mà biết ấy là chân Phật”. Nay nếu nhà vua giác ngộ được tâm thì lập tức thành Phật, không phải tìm cầu khó nhọc ở bên ngoài vậy” (Thiền tông chỉ nam tự). Vì vậy, vua yên tâm ở lại ngôi vị lãnh đạo đất nước mà vẫn trải nghiệm thiền học, nghiên cứu kinh điển, góp phần làm nên chiến thắng oanh liệt, chống giặc Nguyên Mông hùng cường của Đại Việt lúc bấy giờ.

2. Tinh thần “đồng hành cùng dân tộc” của Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp

Năm 1942, Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức được chấp nhận kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương, nay là Đảng Công Sản Việt Nam, để thuận duyên nhập thế hóa độ dân chúng trong điều kiện đất nước lâm nguy. Để noi gương và phát huy truyền thống hiếu học của các đại lão thiền sư tiền bối, Cố đại lão Hòa thượng chăm chỉ học hành và trau dồi đạo pháp để nâng cao trí lực và thiền lực nhằm lợi lạc quần sinh. Do có nhiều thành tích đóng góp Phật sự cho Giáo hội,

năm 1945 Ngài được suy cử làm thư ký Phật giáo cứu quốc huyện Xuân Trường.



Nam Định trong những ngày đầu "Toàn quốc kháng chiến" (ảnh tư liệu lịch sử)

Cố đại lão Hòa thượng tham gia phong trào cách mạng và là ủy viên liên chi ủy các cơ sở cách mạng ở các chùa trên địa bàn tỉnh như: Tự Lạc, Đông An, Thọ Vực, An Cư, Liêu Thượng, Trà Thượng, Hội Khê, Xuân Bảng, Liêu Đông, Cổ Lễ, Kiên Lao, và Ngọc Tĩnh và rất nhiều cơ sở cách mạng tại các thành phố Nam Định, Thái Bình, Hà Nam và Ninh Bình...

Năm 1947, ngài được tín nhiệm bầu vào Ban chấp hành Phật giáo cứu quốc tỉnh Nam Định. Trong công cuộc kháng chiến chống Pháp, ngài là ủy viên Mặt trận Việt Minh huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định. Từ năm 1954 đến nay, ngài là Ủy viên Ban mặt trận Tổ quốc Tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh liên tiếp nhiều khóa. Do có nhiều công lao trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa, Cố đại lão Hòa thượng đã được nhà nước tặng thưởng:

- + Huân chương Độc lập hạng Nhất.
- + Huân chương Kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất.
- + Huân chương Kháng chiến chống Pháp hạng Ba.
- + Huy hiệu vì sự nghiệp đoàn kết.
- + Bằng lão thành cách mạng
- + Và nhiều huy hiệu cao quý khác.

Trong tinh thần Bất nhị (không hai), ngài bày tỏ quan điểm sống chết không thật có trong bản thể chân như: sinh tử Niết bàn là một, Thánh, phàm đồng cư, phiền não là Bồ đề: “□□□□□□□□ . Niết bàn sinh tử mạn la lung. (Niết bàn sinh tử chẳng buộc ràng). □ □□□□□□□ . Phiền não bồ đề nhân đối địch. (Phiền não Bồ-đề không đối nghịch) - Phật tâm ca”. Người tu hành không màng danh lợi, quyền lực. Những trao tặng của chính quyền là minh chứng cho những đóng góp và hy sinh lớn lao của cá nhân - đại diện cho lòng yêu thương quê hương đất nước con người Việt Nam, minh chứng cho tinh thần xả thân vì đạo của người tu, luôn mong muốn hòa bình, và để Phật giáo được duy trì được đứng vững trong lòng dân tộc. Ngài cũng là tấm gương sáng lan tỏa động viên đến chư Tăng Ni, cư sĩ Phật tử Việt Nam được nhận thức, chiêm nghiệm và hướng tâm. Ngài chính là mạch nguồn của lòng yêu nước đậm nét đặc trưng Phật giáo Việt Nam đã có từ những thế kỷ đầu công nguyên, để thời hiện đại, tinh thần “Phật giáo đồng hành cùng dân tộc” lại tiếp tục lan tỏa ở nhiều phương cách và hình thức uyển chuyển linh động của trí tuệ và từ bi.

3. Hành trạng và những đóng góp của Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức đối với Phật giáo trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp

□□□□□□□□ . Ngu nhân điên đảo bố sinh tử (kẻ ngu điên đảo sợ sống chết).

□□□□□□□□ . Trí giả đạt quan nhàn nhi dĩ (người trí thấy suốt nhàn vậy thôi).

Sau ngày giải phóng miền Bắc năm 1954, Phật giáo các tỉnh phía Bắc vận động để thống nhất thành một tổ chức Phật giáo chung, Cố đại lão Hòa thượng là thành viên Ban vận động. Đến đầu năm 1958 tại Đại hội Thống nhất Phật giáo miền Bắc thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (ở miền Bắc) Hòa thượng được bầu vào Ban trị sự Trung ương Hội, kiêm Chánh thư ký Chi hội Phật giáo Nam Định cho đến ngày thống nhất Phật giáo cả nước.

Tháng 2-1980, Cố đại lão Hòa thượng tham gia Ban vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Tháng 11-1981, tại Đại hội thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Cố đại lão Hòa thượng được bầu làm ủy viên Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Tháng 11-1987, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của GHPGVN, Cố đại lão Hòa thượng được bầu vào Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN.

Năm 1992, Cố đại lão Hòa thượng được tham gia Hội nghị Phật giáo Châu Á vì Hòa bình (ABCP) tại Mông Cổ, nhân dịp này đoàn đã sang thăm hữu nghị Hội

Phật giáo Liên Xô.

Tháng 11 năm 1992 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ ba, Cố đại lão Hòa thượng lại được tái cử ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN.

Năm 1985, Cố đại lão Hòa thượng được Sơn Môn thỉnh về trụ trì tại chùa Cổ Lễ. Năm 1991, Cố đại lão Hòa thượng lại được mời kiêm trụ trì chùa Đại Bi huyện Nam Trực.

Năm 1997 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã suy tôn Cố đại lão Hòa thượng vào Hội đồng Chứng minh GHPGVN, Phó chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN, Trưởng ban Nghi lễ Trung ương, Phó ban Trị sự Phật giáo tỉnh Nam Định.

Cuối năm 1999, Cố đại lão Hòa thượng tham gia đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam sang thăm Phật giáo Trung Quốc với tư cách là Phó trưởng đoàn.

Tháng 4 năm 2000, Cố đại lão Hòa thượng được suy cử vào chức vụ Trưởng ban Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Nam Định.

Những Phật sự trong nước và quốc tế đã minh chứng cho thấy trí tuệ, quan điểm, và tầm nhìn của Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức. Làm tròn hai việc đạo đời không phải là dễ, nhưng cố Hòa Thượng Thích Thuận Đức đã chứng minh được điều đó. Như Đức Phật xác quyết: “pháp ta nói như chiếc bè qua sông, pháp còn phải bỏ hà huống là phi pháp. (Kinh Kim Cương)” [8, tr.173]. Phật giáo về bản chất là tôn giáo bất hại, tôn trọng sự sống, tôn trọng sinh mệnh, chưa bao giờ và không bao giờ muốn chiến tranh, việc “cởi áo cà sa khoác áo chiến bào” của nhiều vị sư trong công cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ như Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức là bức đường cùng, bất đắc dĩ; vì quý ngài không thể ngồi yên tu hành khi đất nước loạn lạc, tổ quốc bị xâm lăng, chiến tranh phi nghĩa vẫn tồn tại, quyền làm chủ của dân tộc bị tước đoạt, quyền tự do bị trói buộc, khi mâu thuẫn và hận thù mưu toan của giặc lấy tham sân si làm gốc. Cố đại lão Hòa thượng là một bậc cao tăng trí tuệ, thấm nhuần sâu sắc giáo lý Đại thừa, Thiền học, quan điểm Bất nhị, sống chết trong bản thể chân như sinh tử niết-bàn là một. Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ đã tuyên bố:

“Sắc tức là không, không tức sắc,

Ba đời chư Phật quyền biến đặt.

Không vốn không sắc, sắc không không”.

4. Đóng góp của Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức đối với Phật giáo tỉnh Nam Định trong công cuộc kháng chiến chống Pháp với phương châm “đồng hành cùng dân tộc”

Năm 1947, ngài được tín nhiệm bầu vào Ban chấp hành Phật giáo cứu quốc tỉnh Nam Định. Trong thời gian này, Cố đại lão Hòa thượng vẫn ở chùa Lăng Lăng và đến đầu năm 1950 ngài giữ trọng trách Bí thư Chi bộ Phật giáo cứu quốc tỉnh Nam Định. Ngài trực tiếp lãnh đạo nhân dân Phật tử, những thành phần yêu nước chống lại các đợt càn quét, bắn phá làng mạc, chùa chiền, đình đền, những cơ sở cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Ngài đã trực tiếp chỉ đạo cơ sở In Tiến Lên và văn phòng Ban biên tập báo Tiến Lên tại chùa Thọ Vực xã Xuân Phong do đại đức Thích Thanh Long là trụ trì, đồng thời là chủ nhiệm văn phòng Báo Tiến Lên của Liên chi ủy các tỉnh đồng bằng Sông Hồng.

Đối với Phật giáo tỉnh Nam Định, Ngài đã tận tâm tận lực cùng với Cố đại lão Hòa thượng Thích Tâm Thông xây dựng trường Cơ bản Phật học của tỉnh. Trong các sinh hoạt Tăng đoàn, an cư kết hạ hàng năm, ngài cùng Ban thường trực Tỉnh hội đã lãnh đạo và động viên Tăng Ni vân tập an cư đông đủ, hướng dẫn Tăng Ni tiếp thu giáo lý của Chư Phật nhằm trưởng dưỡng đạo tâm, tu tập giới hạnh, kiên trì nhẫn nại của người xuất gia để tuệ lực và thiền lực ngày một tăng trưởng, có đủ điều kiện để duy trì chính pháp và phục vụ tín ngưỡng cho nhân dân. Cố đại lão Hòa thượng đã làm hạ chủ trường hạ Cổ Lễ và nhiều trường hạ khác như năm 1999-2000, ngài là chủ hạ trường Chùa Cả...

Khi hạnh nguyện hoằng dương Phật pháp tế độ chúng sinh của Ngài đã viên mãn, thuận theo luật vô thường, Ngài trở về Tây phương kiến Phật vào lúc 12:35 phút trưa, ngày 14 tháng 11 năm 2000 (nhằm ngày 19 tháng 10 năm Canh Thìn) trụ thế 82 năm và hạ lạp 62 tuổi.

Toàn thể Tăng Ni và Phật tử Việt Nam nói chung, Tăng Ni Phật tử tỉnh Nam Định nói riêng đều hết sức kính lễ tri ân và nguyện hứa sẽ noi theo bước chân giải thoát “ngộ nhập Phật tri kiến” của bậc cao Tăng thời hiện đại. Ngài chính là một trong các tấm gương sáng trên con đường hành Bồ-tát đạo, tự độ độ tha, phương tiện quyền biến, siêu xuất thực tiễn, tốt đời đẹp đạo, như Thiền phái Trúc Lâm thời Trần đã biểu hiện: “Đây là một thiền phái mang đậm nét dân tộc Việt Nam, vì vừa biểu lộ được sinh hoạt tâm linh siêu việt của Phật giáo và vừa biểu lộ được đời sống thực tế, đơn giản của quần chúng nghèo khổ”; “là thời đại phục hưng thống nhất đất nước, thống nhất cộng đồng, thời đại phục hưng những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc để phát triển đất nước và là thời

đại khoan giải, an lạc, nhân thứ, rộng mở và dân chủ”.

5. Đánh giá

Có thể nói, Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức đã sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước đang thời loạn lạc. Ngài đã “dĩ bất biến ứng vạn biến” trong một thời đại đầy biến động xã hội và chiến tranh do thực dân Pháp gây nên. Tâm Bồ đề tỏa ngát giới hương thành sự thành tâm yêu nước, thương dân đã đưa ngài từ địa vị của nhà tu hành yêu nước thành người cách mạng trong hạnh nguyện Bồ-tát cứu độ chúng sinh. Đó là sự hợp dung tôn giáo hòa quyện đạo - đời.

Dù bất cứ công việc gì trong Đạo hay ngoài đời, Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức đều coi đó là một Phật sự và là một phương tiện để hoằng dương Phật pháp. Ngài luôn giáo hóa quần sinh “Minh tâm kiến tính” ứng dụng thích nghi vào sự nghiệp đào tạo thế hệ Tăng Ni trẻ có đức có tài đáp ứng sự nghiệp phát triển của xã hội khoa học hiện đại và nhu cầu phát triển của Phật giáo Việt Nam. Truyền thống ấy chính là pháp môn thực hành tam vô lậu học, để tiến đến giác ngộ và giải thoát.

Tại huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định nhiều ngôi chùa cổ nổi tiếng về lịch sử, văn hóa. 18 ngôi chùa được xếp hạng di tích, trong đó chùa Keo Hành Thiện nổi tiếng gắn liền với Thiền sư Không Lộ, có kiến trúc độc đáo. Bên cạnh đó, chùa Nghĩa Xá (Xuân Ninh), chùa (Xuân Trung), chùa Kiên Lao (Xuân Kiên), chùa Tự Lạc (Thọ Nghiệp), chùa Thọ Vực (Thiên Thọ Tự, Xuân Phong)... đều là những ngôi chùa nổi tiếng trong lịch sử các chùa Việt Nam. Chùa Thọ Vực có liên quan nhiều đến chư Tăng Ni có công lớn trong công cuộc kháng chiến chống Pháp như Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức. Chùa Thọ Vực được xếp loại Di tích lịch sử kiến trúc theo quyết định: Số 65-VH/QĐ ngày 16/01/1995.

Trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc thời kỳ tiền khởi nghĩa, chùa Thọ Vực cùng với đền bên cạnh là nơi hội họp, hoạt động của các tổ chức Cộng sản trong cuộc kháng chiến chống Pháp; những cuộc tập bắn súng, ném lựu đạn của du kích làng; bảo hộ cán bộ ẩn náu trong các trận càn quét... Đền Thọ Vực được xây dựng từ năm 1848 được tu sửa bằng nhiều gỗ lim, lợp ngói nam. Năm 1885, đất ruộng của chùa được bổ sung mở rộng; đầu thế kỷ XX, và hoàn thành đại tu vào năm 1924. Vào đầu thế kỷ XX, Hòa thượng Thích Tâm Tín có công lao tác thành nên quần thể chùa như ngày nay. Lễ hội truyền thống Đền - Chùa làng Thọ Vực tổ chức trong ba ngày 23, 24, 25 tháng 02 (ngày 14, 15 và 16 tháng Giêng). Về mặt tục đế, chùa có ý nghĩa hướng thiện, nuôi dưỡng các phẩm chất thiện lành hướng về nguồn cội, tăng tính đoàn kết cộng đồng làng xã, nâng cao

ý thức giáo dục, kế thừa và phát huy các truyền thống quý báu, gieo duyên lành Phật Pháp, thông qua các trò chơi với số hình ảnh tại Lễ hội truyền thống Đền - Chùa làng Thọ Vực.

6. Kết luận

Phật giáo Việt Nam mang bản sắc văn hóa người Việt trên 2000 năm, vì vậy luôn đồng hành cùng mọi vấn đề của quốc gia dân tộc trên tất cả các lĩnh vực, đậm nhạt tùy theo hoàn cảnh đất nước của mỗi thời điểm; nhưng có một thực tế chứng minh, khi đất nước hòa bình yên ổn thì Phật giáo cũng thuận duyên phát triển. Đặc biệt, thời Lý-Trần đã cho thấy rõ điều này; những thời kỳ đất nước chiến tranh loạn lạc, Phật giáo cũng nhập thế hòa mình vào với dân tộc để “an dân hộ quốc”.

Là một trong những cao Tăng cống hiến trọn đời cho sự nghiệp hoàng pháp lợi sinh, Cố đại lão Hòa thượng Thích Thuận Đức đã có những đóng góp to lớn công đức trong công cuộc chấn hưng, thống nhất và hòa hợp Phật giáo, góp phần xây dựng và bảo vệ khối đại đoàn kết dân tộc phụng sự đất nước. Cố đại lão Hòa thượng là một bậc tôn sư khả kính đã có nhiều công lao di dưỡng và dìu dắt hàng trăm môn đồ đệ tử trưởng thành, noi gương từ bi hỷ xả, tự giác, giác tha của Ngài để bền vững đạo tâm và trang nghiêm Giáo Hội.

Tác giả: **Hòa thượng TS Thích Đức Tuấn**

Phó Trưởng Ban Phật giáo Quốc tế T.Ư - GHPGVN, Trụ trì Chùa Pháp Vương, California, Mỹ

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Huệ Chi (1998), *Thơ văn Lý - Trần, Tập 2, Quyển thượng*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Dẫn theo: Chế tác: Trần Thái Tông hoàng đế, Dịch giả: Sa môn Thích Thanh Kiểm (1992), *Khóa hư lục (trọn bộ)*, Nxb Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Lý Việt Dũng (dịch giải), (2003), *Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục*, Nxb Mũi Cà Mau.
4. Nguyễn Lang (2012), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb Phương Đông.

5. Thích Thông Phương (2004), *Kinh Kim Cương giảng lục*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
6. Thích Thiện Siêu (2003), *Lược giảng Kinh Pháp Hoa*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
7. Lễ hội Xuân truyền thống Đền – Chùa làng Thọ Vực xã Xuân Phong
<https://xuangiang.ninhbinh.gov.vn/di-tich-lich-su/le-hoi-xuan-truyen-thong-den-chua-lang-tho-vuc-xa-xuan-phong-381677>.
8. Khánh Dũng <https://baonamdinh.vn/channel/5087/201610/nhung-ngoi-den-co-o-xuan-truong-2515006/>.
9. Việt Thắng <https://baonamdinh.vn/channel/5087/201205/Xuan-Truong-bao-ton-ton- tao-phat-huy-gia-tri-cac-di-tich-lich-su-van-hoa-2166638/>.
10. <https://chonhieng.com/dia-diem/cum-di-tich-den-va-chua-tho-vuc-xuan-truong-nam-dinh/>
11. <https://ladigi.vn/top-10-dia-danh-noi-tieng-o-xuan-truong-nam-dinh-moi-2021>.
12. <https://xuangiang.ninhbinh.gov.vn/di-tich-lich-su/le-hoi-xuan-truyen-thong-den-chua-lang-tho-vuc-xa-xuan-phong-381677>
13. <http://www.ideal.vn/chugravea-th7885-v7921c-nam-2727883nh.html>